TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày: 10/8/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Nho Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 19/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn A, sinh năm: 1931; Nơi cư trú: Tổ dân phố PB, phường CP, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Tổ dân phố LS, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Bá D (đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

1/ Bà Lê Thị S, sinh năm: 1962 (Có mặt)

1/ Chị Nguyễn Lê Thị Hoàng D1, sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

2/ Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

3/ Anh Nguyễn Bá Th, sinh năm: 1992 (Có mặt)

Cùng có nơi cư trú: Tổ dân phố LS, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

4/ Anh Nguyễn Bá Th1, sinh năm: 1993; Nơi cư trú: Tổ dân phố Lộc An, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Năm 2003, ông Lê Văn A cho vợ chồng bà Lê Thị S, ông Nguyễn Bá D xây nhà mượn 1 lượng 1 chỉ 05 phân vàng 9999. Năm 2004, ông A đứng ra vay thêm số tiền 15.000.000 đồng cho bà S, ông D. Thời điểm đó, ông D bà S không có tiền nên ông A trả tiền vay 15.000.000 đồng thay, đến ngày 15/5/2005, ông D, bà S viết Giấy mượn vàng và tiền để xây nhà, chốt số nợ phải trả cho ông A là 03 lượng 01 chỉ 05 phân vàng, trong đó có 01 lượng 01 chỉ 05 phân vàng 9999 và 02 lượng vàng 97. Thỏa thuận là bà S, ông D phải trả vàng tuy nhiên vì tình cảm cha con nên khi nào bà S có tiền thì cầm lên trả cho ông và quy ra vàng vào thời điểm đó.

Từ năm 2007 đến năm 2010, vợ chồng bà S, ông D trả góp nhiều lần cho ông A số vàng trên, người trực tiếp trả là bà S, tổng cộng tính đến ngày 16/02/2011, bà S đã trả cho ông A 15 chỉ vàng 97, thiếu 400.000 đồng; còn nợ lại 05 chỉ vàng 97, 11 chỉ 05 phân vàng 9999. Khoảng năm 2013, bà S nói không có tiền trả nợ cho ông A nhưng lại lấy tiền mua xe và mua đất, khi bà S đến nhà, ông A giữ lại chiếc xe máy Wave, sau đó bà S mới đem thêm số tiền 5.000.000 đồng xuống lấy xe về, xem như là 01 chỉ vàng 9999.

Khoảng năm 2018, ông Nguyễn Bá D chết. Ông D không có con riêng, cha mẹ ông D đã chết. Trong quá trình chung sống ông D và bà S có 04 con chung là Nguyễn Lê Thị Hoàng D1, sinh năm 1986; Nguyễn Minh T, sinh năm 1989; Nguyễn Bá Th, sinh năm 1992 và Nguyễn Bá Th1, sinh năm 1993.

Nay, dù đã nhiều lần đòi nhưng bà S vẫn cố tình không trả và nói trả chừng đó là đủ, nên ông A yêu cầu Tòa án giải quyết căn cứ theo Giấy mượn tiền và vàng của bà S, ông D ký, buộc bà Lê Thị S (không yêu cầu các con của ông D) phải trả ngay cho ông A 05 chỉ vàng 97, 10 chỉ 05 phân vàng 9999; không yêu cầu bà S phải trả lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn điều chỉnh lại yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà S trả 05 chỉ vàng loại 97% nguyên chất và 10 chỉ vàng loại 99,99% nguyên chất.

Bị đơn trình bày:

Năm 2003, để làm nhà, bà S có mượn của cha bà là ông Lê Văn A số tiền 15.000.000 đồng, cha con chỉ cho mượn chứ không viết giấy tờ. Trong thời gian làm nhà xong, chồng bà là ông Nguyễn Bá D mất sức lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Ông A viết sẵn ở nhà Giấy mượn vàng và tiền để xây nhà ngày 15/5/2005, rồi cầm lên nhà bà S, yêu cầu bà S phải quy ra vàng trả cho ông A. Ông D thấy vậy sợ cha con, gia đình xích mích nên ông bà mới đồng ý ký giấy.

Từ năm 2007 đến năm 2011, dù không nhớ rõ thời gian cụ thể nhưng bà đã trả rất nhiều lần, hết số nợ bà vay mượn tiền làm nhà. Nhiều lần, ông A

còn đến nhà gây áp lực, siết chiếc xe Honda Wave RSX, để ở nhà ông hai năm, nói muốn lấy xe thì mang tiền xuống trả hết nợ về. Bà S đã đưa cho ông A số tiền 6.500.000 đồng, chấm dứt nợ nần mới được lấy xe về. Bà S nghĩ cha con vậy là đã xong nên không lấy giấy tờ mượn tiền về, giờ ông lại lấy giấy đó ra đe dọa, khởi kiện tại Tòa.

Hàng thừa kế thứ nhất của chồng bà là ông Nguyễn Bá D gồm có vợ Lê Thị S, sinh năm 1962; các con là Nguyễn Lê Thị Hoàng D1, sinh năm 1986; Nguyễn Minh T, sinh năm 1989; Nguyễn Bá Th, sinh năm 1992 và Nguyễn Bá Th1, sinh năm 1993.

Nay bà S không đồng ý trả số nợ 05 chỉ vàng 97, 10 chỉ vàng 9999, vì bà đã trả hết số nợ trên. Ngoài ra, bà còn trả cho ông A số tiền 6.800.000 đồng sau khi bán heo năm 2010 nhưng không thấy ông A thống kê.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Bá Th1 trình bày:

Anh Th1 là con của ông Nguyễn Bá D và bà Lê Thị S, cháu ngoại ông Lê Văn A. Việc vay mượn tiền của bà S, ông A đúng như lời bà S trình bày. Gia đình Anh Th1 khó khăn, bà S đã trả hết số nợ mượn của ông A.

Nay bà S đã trả hết số nợ trên nên đối với yêu cầu khởi kiện của ông A, Anh Th1không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh chị Nguyễn Lê Thị Hoàng D1, Nguyễn Minh T, Nguyễn Bá Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia các phiên làm việc, phiên họp và hòa giải, phiên tòa tại Tòa án, tuy nhiên vắng mặt và không có trình bày gì.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số vàng đã vay nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý, giải quyết tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thay đổi quan hệ tranh chấp là không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh chị Nguyễn Lê Thị Hoàng D1, Nguyễn Minh T vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với các anh chị Nguyễn Lê Thị Hoàng D1, Nguyễn Minh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào Giấy mượn vàng và tiền để xây nhà đề ngày 15/5/2015 do nguyên đơn cung cấp và bị đơn cũng thừa nhận, bà S có vay của ông A số tiền 15.000.000 đồng và 01 lượng 01 chỉ 05 phân vàng 9999. Bà S cho rằng vợ chồng bà mượn tiền và vàng chứ không quy đổi toàn bộ số nợ ra vàng. Việc ông D, bà S tự nguyện ký tên vào Giấy mượn vàng và tiền để xây nhà đề ngày 15/5/2015, chốt số nợ hai khoản gồm 15.000.000 đồng và 01 lượng 01 chỉ 05 phân vàng 9999 là "03 lượng 01 chỉ 05 phân, trong đó có 1 lượng 05 phân vàng 9999" là hành vi xác lập giao dịch dân sự tự nguyện, có cơ sở xác định các bên chuyển giá trị số tiền và vàng đã vay thành giá trị vàng để trả nợ.

[2.2] Về quá trình trả nợ:

Căn cứ vào lời khai, các bên đều thừa nhận việc bà S trả số nợ trên nhiều lần, cách thức trả nợ là bà S đưa tiền, ông A quy đổi sang giá trị vàng. Theo tài liệu nguyên đơn cung cấp là giấy theo dõi quá trình trả nợ của bà S, có xác nhận của bà S vào ngày 09/02/2010 đã cho thấy việc các bên có thông báo với nhau số tiền nợ đã trả được. Đến ngày cuối cùng được ghi nhận trong giấy (16/02/2011), bà S trả 01 chỉ vàng, chốt số vàng đã trả là 15 chỉ vàng, còn nợ lại 16 chỉ 05 phân vàng (06 chỉ vàng 97 và 10.5 chỉ vàng 9999). Đến năm 2013, bà S có trả thêm cho ông A 6.500.000 đồng (được quy ra 01 chỉ vàng 97 và 05 phân vàng 9999), còn nợ lại 15 chỉ vàng (05 chỉ vàng 97, 10 chỉ vàng 9999).

Trong khi đó, bị đơn thừa nhận đã trả tiền nhiều lần, không nhớ rõ số tiền đã trả. Bà S cho rằng bà mượn 15.000.000 đồng và 01 lượng 01 chỉ 05 phân vàng 9999 nên đã trả hết và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Thời gian từ năm 2013 đến nay, dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn vẫn chưa trả số vàng trên cho nguyên đơn, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu đòi lại vàng của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Giấy mượn vàng và tiền để xây nhà đề ngày 15/5/2015 có chữ ký bên vay tiền của ông Nguyễn Bá D (chồng bà S) và bà Lê Thị S, giao dịch cho vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập và đồng thời là nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, Tòa án đưa ông Nguyễn Bá D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông D chết, qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường CP, phát sinh những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông D, gồm có vợ Lê Thị S, sinh năm 1962; các con là Nguyễn Lê Thị Hoàng D1, sinh năm 1986; Nguyễn Minh T, sinh năm 1989; Nguyễn Bá Th, sinh năm 1992 và Nguyễn Bá Th1, sinh năm 1993, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ, bà S cũng xác định nghĩa vụ trả nợ của mình nhưng cho rằng đã trả hết nợ nên Hội đồng xét xử không xét đến nghĩa vụ của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng nêu trên.

[2.4] Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn:

Trước phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn A bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải trả lãi, tuy nhiên yêu cầu này vượt quá phạm vi khởi kiện, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự và tại phiên tòa ông A cũng đã rút phần yêu cầu tính lãi Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn đều thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 463, Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Lê Thị S phải trả cho ông Lê Văn A 15 (mười lăm) chỉ vàng, trong đó có 05 (năm) chỉ vàng 97% nguyên chất và 10 (mười) chỉ vàng loại 99,99% nguyên chất.

2. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

3. Quy định:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, ông Nguyễn Bá Th1 và ông Nguyễn Bá Th được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các anh chị Nguyễn Lê Thị Hoàng D1, Nguyễn Minh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. C;
- CCTHADS TP. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiếu